

Số: /2024/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính; Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 06/2020/TT-BTP ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 06/2020/TT-BTP

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP như sau:



“Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện một số nội dung liên quan đến đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm; đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng trong trường hợp có yêu cầu tại các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP như sau:

“1. Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm đăng ký).

2. Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, Chấp hành viên; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia hoặc có liên quan đến đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 08/2018/TT-BTP như sau:

“Điều 3. Thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin theo yêu cầu tại các Trung tâm đăng ký

1. Trung tâm đăng ký thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm; đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước, không phân biệt theo địa giới hành chính nơi Trung tâm đăng ký đặt trụ sở.

Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn một trong các Trung tâm đăng ký để yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo yêu cầu tại các Trung tâm đăng ký có giá trị pháp lý như nhau.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5a Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP như sau:

“Điều 5a. Đăng ký, cung cấp thông tin theo yêu cầu về hợp đồng

1. Trường hợp các bên trong hợp đồng có thỏa thuận về việc đăng ký để công khai thông tin trong hợp đồng và có yêu cầu đăng ký thì Trung tâm đăng ký thực hiện việc đăng ký hợp đồng theo yêu cầu và theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đối với các hợp đồng sau đây:

a) Hợp đồng cho thuê tài chính;

b) Hợp đồng thuê tài sản là động sản không phải là tàu bay, tàu biển;

Small red markings or stamps on the right edge of the page, possibly a library or archival stamp.

c) Hợp đồng ký gửi hàng hóa;

d) Hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ, khoản phải thu hoặc chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán khác.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin về hợp đồng thì Trung tâm đăng ký thực hiện việc cung cấp thông tin đối với hợp đồng đã được đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền theo quy định của luật liên quan có yêu cầu cung cấp thông tin về hợp đồng thì Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp thực hiện việc cung cấp thông tin theo nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý nhà nước.

3. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu Trung tâm đăng ký thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng thì thực hiện qua hệ thống đăng ký trực tuyến.

Việc đăng ký hợp đồng bao gồm cả đăng ký thay đổi nội dung đã được đăng ký (đăng ký thay đổi), xóa đăng ký nội dung đã được đăng ký (xóa đăng ký).

4. Việc đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này là để thông báo, công khai thỏa thuận trong hợp đồng; không phải là căn cứ xác định hiệu lực của hợp đồng; không phải là căn cứ xác định hiệu lực đối kháng của thỏa thuận trong hợp đồng với người thứ ba.

5. Người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin về hợp đồng; Trung tâm đăng ký; tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng áp dụng quy định liên quan của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm áp dụng tại Trung tâm đăng ký để thực hiện các nội dung trong đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng.

6. Người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin về hợp đồng có nghĩa vụ thanh toán giá dịch vụ đăng ký, giá dịch vụ cung cấp thông tin theo quy định của Trung tâm đăng ký.

7. Quy định về đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng tại Điều này không áp dụng đối với hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền đăng ký của Bộ Công thương hoặc thuộc thẩm quyền đăng ký của cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP như sau:

“Điều 9. Thông tin kê khai theo quy trình trên giao diện đăng ký trực tuyến

1. Thông tin kê khai theo quy trình trên giao diện đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm, hợp đồng bao gồm:

- a) Thông tin về người yêu cầu đăng ký;
- b) Thông tin về loại đăng ký;
- c) Thông tin về tên, số và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo đảm hoặc của hợp đồng được đăng ký;
- d) Thông tin về bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm hoặc thông tin về các bên tham gia hợp đồng;
- đ) Thông tin mô tả tài sản bảo đảm hoặc thông tin mô tả tài sản là đối tượng của hợp đồng;
- e) Thông tin về số đăng ký, nội dung được thay đổi trong trường hợp đăng ký thay đổi;
- g) Thông tin về số đăng ký, căn cứ xóa đăng ký trong trường hợp xóa đăng ký;
- h) Thông tin khác thuộc diện phải kê khai theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Người yêu cầu đăng ký thực hiện kê khai thông tin theo quy trình, hướng dẫn trên giao diện đăng ký trực tuyến, phù hợp với biện pháp bảo đảm hoặc hợp đồng được đăng ký.

3. Thời điểm người yêu cầu đăng ký hoàn thành việc kê khai thông tin theo quy trình trên giao diện đăng ký trực tuyến được xác định là thời điểm nội dung đăng ký được cập nhật vào cơ sở dữ liệu.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điều, khoản của Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 06/2020/TT-BTP

- 1. Bãi bỏ Điều 4 Thông tư số 08/2018/TT-BTP.
- 2. Bãi bỏ Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP.
- 3. Bãi bỏ Điều 6 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP.
- 4. Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 08/2018/TT-BTP.
- 5. Bãi bỏ Điều 7a Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được bổ sung tại khoản 6



Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP.

6. Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 08/2018/TT-BTP.

7. Bãi bỏ Điều 10 Thông tư số 08/2018/TT-BTP.

8. Bãi bỏ Điều 11 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP.

9. Bãi bỏ Điều 12 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP.

10. Bãi bỏ Điều 13 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP.

11. Bãi bỏ Điều 14 Thông tư số 08/2018/TT-BTP.

12. Bãi bỏ Điều 15 Thông tư số 08/2018/TT-BTP.

13. Bãi bỏ Chương III Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 11, 12 và 13 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP.

14. Bãi bỏ khoản 3 và khoản 4 Điều 24 Thông tư số 08/2018/TT-BTP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 06/2020/TT-BTP.

15. Bãi bỏ khoản 1 Điều 25 Thông tư số 08/2018/TT-BTP.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Hồ sơ đăng ký hợp đồng được Trung tâm đăng ký tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì giải quyết hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTP, trừ trường hợp có yêu cầu đăng ký theo quy định tại Thông tư này.

3. Hợp đồng đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải đăng ký lại. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực mà đăng ký thay đổi, xóa đăng ký, chỉnh lý thông tin có sai sót trong nội dung đã được đăng ký hoặc hủy đăng ký đối với hợp đồng này thì thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có trách nhiệm ban hành Quyết định xác định mức giá dịch vụ đăng ký, cung cấp thông tin và định kỳ xem xét, điều chỉnh giá dịch vụ đăng ký, cung

cấp thông tin về hợp đồng quy định tại khoản 6 Điều 5a Thông tư này theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật khác có liên quan.

Trung tâm đăng ký có trách nhiệm niêm yết mức giá dịch vụ đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng tại trụ sở Trung tâm đăng ký và gửi về Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm để công khai trên hệ thống đăng ký trực tuyến.

2. Cục trưởng Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục ĐKQGDBĐ.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hải Ninh



